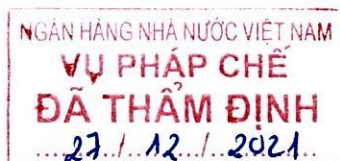


Số: **23** /2021/TT-NHNN

Hà Nội, ngày **31** tháng **12** năm 2021



THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 3 như sau:

“1. *Tỷ lệ an toàn vốn* là chỉ tiêu được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. *Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1* là chỉ tiêu được xác định cụ thể như sau:

a) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân

hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)), tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 (\%)} = \frac{\text{Vốn cấp 1 riêng lẻ}}{\text{Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ}} \times 100\%$$

Việc xác định Vốn cấp 1 riêng lẻ, Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 (\%)} = \frac{\text{Vốn cấp 1}}{RWA + 12,5 \times (K_{OR} + K_{MR})} \times 100\%$$

Trong đó:

- RWA: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng
- K_{OR} : Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động
- K_{MR} : Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

Việc xác định Vốn cấp 1, RWA, K_{OR} , K_{MR} theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

3. *Nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu* là số dư nợ chưa chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. *Nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được* là các khoản nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt và chưa được xử lý, thu hồi.

5. *Khách hàng có dư nợ tín dụng lớn* là khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có dư nợ tín dụng chiếm từ 5% vốn tự có trở lên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Riêng đối với ngân hàng hợp tác xã, khách hàng có dư nợ tín dụng lớn bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân thành viên.”.

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai tại khoản 10 Điều 3 như sau:

“- Tài sản Có sinh lãi bình quân là tổng các khoản mục Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác (không bao gồm dự phòng rủi ro), Cho vay khách hàng (không bao gồm dự phòng rủi ro), Mua nợ (không bao gồm dự phòng rủi ro), Chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro, dự phòng giảm giá và trái phiếu VAMC), phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.”.

c) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai tại khoản 15 Điều 3 như sau:

“- Nợ phải trả nhạy cảm lãi suất là Tổng nợ phải trả nội bảng cân đối kế toán nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm nợ phải trả không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 16 Điều 3 như sau:

“16. *Mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm* là giá trị trung bình của mức phạt tiền tối đa và mức phạt tiền tối thiểu của khung tiền phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm của tổ chức được quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đang có hiệu lực tại thời điểm 31/12 năm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng định kỳ) hoặc ngày cuối cùng của quý liền kề trước thời điểm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư này).”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

a) Bổ sung điểm a1 vào khoản 1 Điều 5 như sau:

“a1) Thông tin, dữ liệu tại báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 như sau:

“c) Trường hợp thực hiện xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phạm vi tài liệu, thông tin, dữ liệu được sử dụng để tính điểm xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1:

“g) Tỷ lệ dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh bất động sản so với tổng dư nợ tín dụng (không bao gồm dư nợ tín dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác);”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2:

“a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng;”.

4. Bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 13 như sau:

“đ) Trường hợp Tổng thu nhập hoạt động có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại khoản 1 Điều 9, Lợi nhuận trước thuế và Vốn chủ sở hữu bình quân có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 thì mức điểm của từng chỉ tiêu định lượng này bằng 1.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 1.1, 1.2 và bổ sung số thứ tự 1.1a, 1.2a vào Điều 14 như sau:

STT	Tiêu chí/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngưỡng			
			Ngưỡng 1	Ngưỡng 2	Ngưỡng 3	Ngưỡng 4
1	VỐN (C)					
1.1	Tỷ lệ an toàn vốn (không bao gồm trường hợp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN)	%	Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm			
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn		15,00	12,00	8,00	5,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ		15,00	12,00	8,00	5,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài		15,00	12,00	8,00	5,00
	Công ty tài chính		20,00	16,00	9,00	6,00
	Công ty cho thuê tài chính		20,00	16,00	9,00	6,00
	Ngân hàng hợp tác xã		15,00	12,00	9,00	5,00
1.1.a	Tỷ lệ an toàn vốn (thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN)	%	Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm			
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn		11,00	9,00	7,00	5,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ		11,00	9,00	7,00	5,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài		15,00	12,00	8,00	5,00
1.2	Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 (không bao gồm trường hợp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN)	%	Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm			
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn		12,00	10,00	7,00	4,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ		12,00	10,00	7,00	4,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài		12,00	10,00	7,00	4,00
	Công ty tài chính		19,00	15,00	8,00	5,00
	Công ty cho thuê tài chính		19,00	15,00	8,00	5,00
	Ngân hàng hợp tác xã		12,00	10,00	7,00	4,00
1.2.a	Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 (thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN)	%	Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm			
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn		8,50	7,00	5,50	4,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ		8,50	7,00	5,50	4,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài		12,00	10,00	7,00	4,00

b) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2.1, 2.2 như sau:

STT	Tiêu chí/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngưỡng			
			Ngưỡng 1	Ngưỡng 2	Ngưỡng 3	Ngưỡng 4
2.1	Tỷ lệ nợ xấu, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được và nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu so với tổng nợ cộng thêm các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được	%	Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng tăng			
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn		2,00	3,00	5,00	7,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ		2,00	3,00	5,00	7,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài		2,00	3,00	5,00	7,00
	Công ty tài chính		2,00	4,00	6,00	8,00

STT	Tiêu chí/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngưỡng			
			Ngưỡng 1	Ngưỡng 2	Ngưỡng 3	Ngưỡng 4
	Công ty cho thuê tài chính		2,00	3,00	5,00	7,00
	Ngân hàng hợp tác xã		2,00	3,00	5,00	7,00
2.2	Tỷ lệ nợ Nhóm 2 so với tổng nợ	%	Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng tăng			
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn		2,50	4,00	5,50	7,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ		2,50	4,00	5,50	7,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài		2,50	4,00	5,50	7,00
	Công ty tài chính		2,50	5,00	6,00	8,00
	Công ty cho thuê tài chính		2,50	4,00	5,50	7,00
	Ngân hàng hợp tác xã		2,50	4,00	5,50	7,00

c) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2.7 như sau:

STT	Tiêu chí/chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngưỡng			
			Ngưỡng 1	Ngưỡng 2	Ngưỡng 3	Ngưỡng 4
2.7	Tỷ lệ dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh bất động sản so với tổng dư nợ tín dụng (không bao gồm dư nợ tín dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác)	%	Chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng tăng			
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn		5,00	10,00	15,00	20,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ		5,00	10,00	15,00	20,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài		4,00	8,00	12,00	16,00
	Ngân hàng hợp tác xã		2,00	4,00	7,00	10,00

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2.1 như sau:

STT	Tiêu chí/chỉ tiêu	Trọng số (%)
2.1	Tỷ lệ nợ xấu, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được và nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu so với tổng nợ cộng thêm các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được	
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn	40,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ	40,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	40,00
	Công ty tài chính	50,00
	Công ty cho thuê tài chính	50,00
	Ngân hàng hợp tác xã	40,00

b) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2.3 như sau:

STT	Tiêu chí/chỉ tiêu	Trọng số (%)
2.3	Tỷ lệ dư nợ tín dụng của các khách hàng có dư nợ tín dụng lớn so với dư nợ tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân	
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn	25,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ	25,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	20,00
	Công ty tài chính	0,00

	Công ty cho thuê tài chính	0,00
	Ngân hàng hợp tác xã	10,00

c) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2.4 như sau:

STT	Tiêu chí/chỉ tiêu	Trọng số (%)
2.4	Tỷ lệ nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với tổng nợ và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5	
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn	5,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ	5,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	5,00
	Công ty tài chính	15,00
	Công ty cho thuê tài chính	10,00
	Ngân hàng hợp tác xã	15,00

d) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2.7 như sau:

STT	Tiêu chí/chỉ tiêu	Trọng số (%)
2.7	Tỷ lệ dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh bất động sản so với tổng dư nợ tín dụng (không bao gồm dư nợ tín dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác)	
	Ngân hàng thương mại có quy mô lớn	10,00
	Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ	10,00
	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	5,00
	Công ty tài chính	0,00
	Công ty cho thuê tài chính	0,00
	Ngân hàng hợp tác xã	10,00

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Cách tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính

1. Điểm của nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng được xác định trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo các mức điểm 1, 2, 3, 4 hoặc 5; trong đó mức điểm có giá trị càng nhỏ thì mức độ tuân thủ quy định pháp luật càng thấp.

2. Các hành vi vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng để tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính của từng tiêu chí xếp hạng quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này được xác định theo đồng thời 02 (hai) tiêu chí như sau:

a) Thời gian xác định hành vi vi phạm:

(i) Các vi phạm được phát hiện trong vòng 04 (bốn) năm liền kề trước của năm xếp hạng nhưng chưa khắc phục xong;

(ii) Các vi phạm được phát hiện trong năm xếp hạng;

b) Hình thức xác định hành vi vi phạm:

(i) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ

quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập) hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền;

(ii) Vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện, báo cáo và chưa khắc phục xong.

3. Điểm của nhóm chỉ tiêu định tính theo từng tiêu chí xếp hạng được xác định như sau:

a) Đối với các hành vi vi phạm được quy định tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền và/hoặc các hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính được xác định trên cơ sở so sánh giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại khoản 4 Điều này với các ngưỡng tính điểm của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 16a Thông tư này, cụ thể như sau:

(i) Điểm 5 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;

(ii) Điểm 4 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;

(iii) Điểm 3 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;

(iv) Điểm 2 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;

(v) Điểm 1 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính lớn hơn ngưỡng 4;

b) Đối với các hành vi vi phạm không thuộc điểm a Khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm 4;

c) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có đồng thời hai mức điểm xác định theo quy định tại điểm a Khoản này và xác định theo quy định tại điểm b Khoản này, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là mức thấp nhất giữa hai mức điểm này.

4. Giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính là giá trị phản ánh mức độ vi phạm quy định pháp luật về tiền tệ và ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có xem xét đến yếu tố quy mô của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại từng tiêu chí xếp hạng. Giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính được xác định như sau:

$$\text{Giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính} = \frac{\text{Tổng mức tiền phạt (đồng)}}{\text{Vốn tự có riêng lẻ (đồng)}} \times 100.000$$

Trong đó:

- Tổng mức tiền phạt là tổng mức tiền phạt của các hành vi vi phạm các chỉ tiêu của nhóm chỉ tiêu định tính tại một tiêu chí xếp hạng. Tổng mức tiền

phạt được tính bằng tổng mức phạt tiền được quy định tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền và mức phạt tiền trung bình của các hành vi vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Đối với hành vi vi phạm có hình thức xử phạt là cảnh cáo, mức tiền phạt để xác định tổng mức tiền phạt bằng 0.

- Vốn tự có riêng lẻ được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Sau khi xác định mức điểm đối với nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ tiếp tục bị trừ điểm với điều kiện số điểm trừ tối đa không nhiều hơn 0,9 điểm theo nguyên tắc như sau:

a) Tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng, trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhiều hơn 02 (hai) vi phạm thì điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ bị trừ 0,1 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên), trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này;

b) Đối với trường hợp vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo nhưng chưa khắc phục xong, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ bị trừ 0,05 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).

6. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện đầy đủ kế hoạch khắc phục các khuyến nghị, cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến tổ chức, quản trị, điều hành ngoại trừ do tác động của các sự kiện bất khả kháng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này sau khi đã được xác định theo quy định tại khoản 3, 5 Điều này sẽ tiếp tục bị trừ điểm theo nguyên tắc như sau:

a) Trường hợp điểm của nhóm chỉ tiêu định tính lớn hơn 1, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ 1 điểm;

b) Trường hợp điểm của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng 1, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm và bằng 0,1 điểm.

7. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng phải tuân thủ một hoặc các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính theo quy định pháp luật về tiền tệ và ngân hàng thì chưa hoặc không bị tính điểm đối với một hoặc các chỉ tiêu đó”.

8. Bổ sung Điều 16a như sau:

“Điều 16a. Ngưỡng tính điểm từng nhóm chỉ tiêu định tính

Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng nhóm chỉ tiêu định tính có giá trị càng lớn thì mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài càng giảm. Các ngưỡng này được xác định cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Ngưỡng			
		Ngưỡng 1	Ngưỡng 2	Ngưỡng 3	Ngưỡng 4
1	VỐN (C)	0,50	1,00	1,50	2,00
2	CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN (A)	0,50	1,00	1,75	2,75
3	QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH (M)	0,50	0,75	1,00	1,50
4	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (E)	1,00	2,00	5,00	8,00
5	KHẢ NĂNG THANH KHOẢN (L)	1,50	3,00	6,00	9,00
6	MỨC ĐỘ NHẠY CẢM VỚI RỦI RO THỊ TRƯỜNG (S)	3,00	4,00	5,00	6,00

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 20 và bổ sung khoản 8 vào Điều 20 như sau:

“7. Ngoài quy định nêu tại khoản 5 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (E) nếu lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Số lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;

c) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục.

8. Tổng điểm xếp hạng được làm tròn đến số thập phân thứ hai và theo nguyên tắc như sau:

a) Số thập phân thứ hai tăng 0,01 điểm nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 6 đến 9;

b) Giữ nguyên số thập phân thứ hai nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 0 đến 5”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại, hợp nhất, sáp nhập theo Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thời gian khác quy định tại khoản 1, 2 Điều này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Nội dung thông báo kết quả xếp hạng:

a) Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng, tổng điểm xếp hạng và điểm của từng nhóm tiêu chí quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng, tổng điểm xếp hạng và điểm của từng nhóm tiêu chí quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này) của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, thành phố”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba (trừ trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp kết quả xếp hạng cho ngân hàng mẹ sau khi ngân hàng mẹ có văn bản cam kết không cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba) dưới bất kỳ hình thức nào”.

Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN

Bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 13, số thứ tự 2.5 Điều 14, số thứ tự 2.5 Điều 15.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

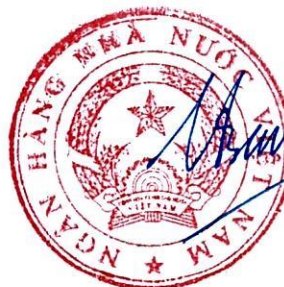
Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2022 và áp dụng để xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ năm 2021. /- *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH4 (3 bản). *me*

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn